

Số: 874 /QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 12 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/08/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-BKHCN ngày 16/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Chương trình số 20-CTr/TU ngày 31/05/2021 của Tỉnh ủy về việc tập trung phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp, đô thị theo hướng văn minh, hiện đại giai đoạn 2021-2025, định hướng 2025-2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chương trình số 129-CTr/TU ngày 11/3/2020 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Kế hoạch số 110-KH/TU ngày 15/10/2019 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh Bình Dương;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 15 /TTr-SKH-CN ngày 22/03/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, đôn đốc, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này theo các quy định hiện hành; định kỳ báo cáo cơ quan có thẩm quyền kết quả thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / ld

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các Sở, Ban, ngành⁽¹⁹⁾;
- Báo BD, Đài PTTH, Công TTĐT tỉnh;
- Các Hiệp hội doanh nghiệp của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Dg, HC, TH, TTCB tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Lộc Hà

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường
hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập
quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”
trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

(Kèm theo Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 12/ 4 /2022 của UBND tỉnh)

I. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu chung

- a) Phát triển cơ sở vật chất, hạ tầng dịch vụ kỹ thuật đo lường theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng hội nhập quốc tế và nhu cầu đảm bảo đo lường chính xác cho hoạt động doanh nghiệp, phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.
- b) Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên như thương mại - dịch vụ, hàng tiêu dùng, điện - điện tử, chế biến nông lâm sản, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp điện tử, viễn thông gắn với nền kinh tế số, v.v...; xây dựng và triển khai hiệu quả Chương trình bảo đảm đo lường tại doanh nghiệp; tăng cường hoạt động đo lường gắn chặt với hoạt động doanh nghiệp.
- c) Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động đa dạng các nguồn lực trong xã hội để đóng góp phát triển hoạt động đo lường.
- d) Áp dụng hiệu quả bộ tiêu chí quốc gia đánh giá các lĩnh vực đo lường để tăng cường hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý nhà nước về đo lường; thực hiện chuẩn hóa năng lực, hoạt động của các tổ chức kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.
- đ) Tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phổ biến sâu rộng về vai trò, tầm quan trọng hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể

- a) Đến năm 2025:
 - Đầu tư phát triển 04 chuẩn đo lường chính của tỉnh đáp ứng nhu cầu đảm bảo đo lường chính xác của doanh nghiệp;
 - Bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ về đo lường cho ít nhất 500 lượt người tham gia hoạt động đo lường;
 - Triển khai Chương trình đảm bảo đo lường thông qua hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và hoạt động xây dựng phương pháp đo cho ít nhất 20 doanh nghiệp;

- Triển khai áp dụng bộ tiêu chí quốc gia đánh giá các lĩnh vực đo lường ít nhất 02 phòng thí nghiệm được công nhận trên địa bàn tỉnh cho các lĩnh vực đo lường để tăng cường hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý nhà nước về đo lường; thực hiện chuẩn hóa năng lực, hoạt động của các tổ chức kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

b) Đến năm 2030:

- Đầu tư phát triển 07 chuẩn đo lường chính của tỉnh đáp ứng nhu cầu đảm bảo đo lường chính xác của doanh nghiệp;

- Bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ về đo lường cho ít nhất 1.500 lượt người tham gia hoạt động đo lường;

- Triển khai Chương trình đảm bảo đo lường thông qua hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và hoạt động xây dựng phương pháp đo cho ít nhất 60 doanh nghiệp;

- Triển khai áp dụng bộ tiêu chí quốc gia đánh giá các lĩnh vực đo lường ít nhất 04 phòng thí nghiệm được công nhận trên địa bàn tỉnh cho các lĩnh vực đo lường để tăng cường hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý nhà nước về đo lường; thực hiện chuẩn hóa năng lực, hoạt động của các tổ chức kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi và đối tượng áp dụng thực hiện

- Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương có hoạt động sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, sử dụng phương tiện đo và hàng đóng gói sẵn.

- Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và các phòng thí nghiệm được công nhận cho các lĩnh vực đo lường trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

- Cơ quan quản lý nhà nước về đo lường, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Thời gian thực hiện

- Giai đoạn 1: đến năm 2025.

- Giai đoạn 2: đến năm 2030.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Áp dụng cơ chế, chính sách tạo thuận lợi hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp

a) Định kỳ rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách và Danh mục ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh trọng tâm cần tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường để hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế;

b) Thúc đẩy xã hội hóa hoạt động đo lường; khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ về đo lường; áp dụng các cơ chế, chính sách thúc đẩy thương mại hóa các sản phẩm từ kết quả nghiên cứu;

c) Thực hiện các biện pháp hỗ trợ nhằm tăng cường năng lực, hoạt động của tổ chức kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

2. Tăng cường phát triển hạ tầng đo lường của tỉnh

a) Xây dựng, phát triển hạ tầng đo lường của tỉnh theo hướng đồng bộ, hiện đại; duy trì hệ thống chuẩn đo lường, đảm bảo độ chính xác và tính liên kết với chuẩn đo lường quốc gia của Việt Nam;

b) Phát triển các tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đáp ứng các yêu cầu của bộ tiêu chí quốc gia đánh giá các lĩnh vực đo lường để phục vụ nhu cầu về đo lường của doanh nghiệp;

c) Bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ về đo lường cho các cá nhân tham gia hoạt động đo lường của các sở, ngành, địa phương và doanh nghiệp;

3. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đo lường

a) Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra nhà nước về đo lường;

b) Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan và doanh nghiệp về công tác quản lý hoạt động đo lường;

c) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra Nhà nước về đo lường. Triển khai thực hiện đánh giá việc áp dụng Bộ tiêu chí quốc gia đánh giá các lĩnh vực đo.

4. Triển khai công tác hỗ trợ doanh nghiệp đảm bảo chất lượng sản phẩm, hàng hóa

a) Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai áp dụng Chương trình đảm bảo đo lường thông qua hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và hoạt động xây dựng phương pháp đo;

b) Hỗ trợ các tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trên địa bàn tỉnh đáp ứng Bộ tiêu chí quốc gia đánh giá các lĩnh vực đo lường;

c) Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, ứng dụng công nghệ đo lường tiên tiến trong quá trình sản xuất theo quy định pháp luật hiện hành;

5. Công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến về hoạt động đo lường

a) Tổ chức hội nghị, hội thảo về đo lường; triển khai các hoạt động kỷ niệm ngày Đo lường Việt Nam; tổ chức thi đua, khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện tốt hoạt động đo lường;

b) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và xã hội về hoạt động đo lường. Tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, trao đổi kinh nghiệm.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch

- Kinh phí thực hiện gồm kinh phí từ ngân sách nhà nước, đóng góp của doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác;

- Nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ bao gồm: Đổi mới, sửa đổi chính sách tạo thuận lợi hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp; tăng cường phát triển hạ tầng đo lường của tỉnh; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đo lường; triển khai công tác hỗ trợ doanh nghiệp đảm bảo chất lượng sản phẩm hàng hóa; tăng cường hợp tác quốc tế; đẩy mạnh công tác truyền thông về hoạt động đo lường;

- Nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ đầu tư phát triển hạ tầng đo lường của tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Nguồn kinh phí từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân: trang sắm phương tiện đo lường; chuẩn đo lường; hạ tầng đo lường tại doanh nghiệp.

2. Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

3. Khái toán tổng kinh phí giai đoạn 2021-2030: là 16.670.000.000 đồng (mười sáu tỷ, sáu trăm bảy mươi triệu đồng), gồm:

- Nguồn kinh phí chi thường xuyên: 3.270.000.000 đồng;
- Nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển: 10.000.000.000 đồng;
- Nguồn kinh phí đóng góp của doanh nghiệp: 3.400.000.000 đồng.

(Đính kèm Phụ lục Bảng chi tiết khái toán kinh phí thực hiện).

2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra hướng dẫn các địa phương và các tổ chức có liên quan trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; chủ động phối hợp với Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Báo Bình Dương tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về các nội dung kế hoạch bằng nhiều hình thức thiết thực và hiệu quả.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch hàng năm để triển khai các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch; hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức sơ kết và tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch; định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch

của các đơn vị, địa phương định kỳ hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm bố trí kinh phí triển khai thực hiện kế hoạch này đảm bảo đúng quy định.

3. Các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ, nhu cầu và điều kiện phát triển hoạt động đo lường của ngành, địa phương, chủ trì, đề xuất và phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng và phê duyệt các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch trong phạm vi quản lý nhà nước theo thẩm quyền và quy định của pháp luật hiện hành.

4. Các Hiệp hội doanh nghiệp, dựa trên nhu cầu thực tế của doanh nghiệp phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ để hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nội dung của Kế hoạch; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội dung liên quan đến công tác đo lường và nội dung của kế hoạch này đến các doanh nghiệp có liên quan để tham gia thực hiện.

Khuyến khích các doanh nghiệp thuộc hiệp hội ngành mình quản lý, xây dựng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhằm tăng cường đổi mới hoạt động đo lường, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế. Trong trường hợp chưa thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp thì doanh nghiệp có thể thực hiện vay vốn từ Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ của tỉnh để thực hiện chương trình đảm bảo đo lường tại doanh nghiệp.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bình Dương; UBND tỉnh yêu cầu các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các hiệp hội, doanh nghiệp có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện hiệu quả, thiết thực, đúng quy định về tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu hiện hành và các quy định pháp luật khác có liên quan, không làm lãng phí, thất thoát ngân sách nhà nước; trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề khó khăn vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch này cho phù hợp với tình hình thực tế và đúng quy định pháp luật./.

BẢNG CHI TIẾT KHAI TOÀN KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
(Kèm theo Quyết định số 87/H/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Phụ lục

(Đơn vị tính: triệu đồng)

- I. Áp dụng cơ chế, chính sách tạo thuận lợi hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp**
1. Định kỳ rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.

- II. Tăng cường phát triển hạ tầng đo lường của tỉnh:**

- 1. Phát triển 04 chuẩn đo lường chính của tỉnh đáp ứng nhu cầu đảm bảo đo lường chính xác cho doanh nghiệp**

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng cộng
Số lượng chuẩn đo lường		1				3				4
Nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển		2.000							6.000	8.000

- 2. Bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ về đo lường cho 1.500 lượt người tham gia hoạt động đo lường của các Sở, ngành và doanh nghiệp**

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng cộng
Số khóa đào tạo	4	4	4	5	6	7	7	7	6	50
Nguồn kinh phí chi thường xuyên: 48 triệu đồng/ khóa đến 30 người (Đào tạo 50 khóa)	192	192	192	240	288	336	336	336	288	2.400

- 3. Đào tạo chuyên gia đánh giá năng lực đo lường của Phòng thí nghiệm đo lường theo Bộ tiêu chí Quốc gia.**

Số lượng chuyên gia	2	2	2	2	2					10
Nguồn kinh phí chi thường xuyên: 30 triệu đồng /01 chuyên gia	60	60	60	60	60					300

III. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đo lường

1. Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường như: xe chuyên dụng, chuẩn đo lường, phương tiện đo.



Nội dung	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Tổng cộng
	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030					
Số lượng trang thiết bị		1		3	3	1	1	1						10
Nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển		800		40	50	20	320	770						2.000

IV. Triển khai công tác hỗ trợ doanh nghiệp đảm bảo chất lượng sản phẩm hàng hóa

1. Triển khai Chương trình đảm bảo đo lường thông qua hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và hoạt động xây dựng phương pháp đo.

Nội dung	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Tổng cộng
	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030					
Số lượng doanh nghiệp	5	5	5	5	8	8	8	8	8					60
Nguồn kinh phí đóng góp của doanh nghiệp: 50 triệu/ DN	250	250	250	250	400	400	400	400	400	400	400	400	400	3.000

2. Triển khai áp dụng bộ tiêu chí quốc gia đánh giá các lĩnh vực đo lường cho phòng thí nghiệm được công nhận trên địa bàn tỉnh.

Nội dung	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Tổng cộng
	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030		
Số lượng phòng thí nghiệm		1	1	1	1						4
Nguồn kinh phí đóng góp của doanh nghiệp: 100 triệu/ PTN		100	100	100	100						400

V. Công tác tuyên thông, tuyên truyền, phổ biến về hoạt động đo lường

1. Tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng các quy định của pháp luật về đo lường

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng cộng
	Số lượng doanh nghiệp	2	4	2	2	2	2	2	2	2
Nguồn kinh phí chi thường xuyên: 24.5 triệu đồng										
- Trên báo: 8 triệu đồng/ đợt/ năm	24.5	49	24.5	24.5	24.5	24.5	24.5	24.5	24.5	245
- Trên Đài phát thanh – Truyền hình: 16.5 triệu đồng/ đợt/ năm										

2. Tổ chức hội nghị, hội thảo về đo lường:

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng cộng
Số lần tổ chức	1	2	1	1	1	1	1	1	1	10
Nguồn kinh phí chi thường xuyên: 32.5 triệu/ lần	32.5	65	32.5	32.5	32.5	32.5	32.5	32.5	32.5	325

VI. Công tác học tập, trao đổi kinh nghiệm với các địa phương

1. Học tập, trao đổi kinh nghiệm với các địa phương

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng cộng
Số lần	1	2	1	1	1	1	1	1	1	10
Nguồn kinh phí chi thường xuyên (trong dự toán hàng năm)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Tổng kinh phí thực hiện

Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng cộng
0	559	3516	659	747	955	6.813	1.113	1.563	745	16.670